

THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	ACB	404.112.688	405.272.444
2	HPG	318.649.391	320.890.036
3	MBB	315.915.250	318.412.284
4	FPT	95.606.382	96.163.801
5	MWG	70.536.466	71.348.929
6	STB	129.298.911	130.298.911
7	VPB	326.450.779	327.977.418
8	VHM	211.241.424	212.279.872

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 22/09/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.845.531.449	484.553.144	405.272.444
2	FPT	1.714.326.422	1.379.518.471	137.951.847	96.163.801
3	HDB	5.005.276.323	3.830.037.442	383.003.744	353.530.543
4	HPG	8.442.964.520	4.763.520.582	476.352.058	320.890.036
5	LPB	2.987.282.100	2.639.263.735	263.926.373	257.434.707
6	MBB	9.263.249.895	4.196.252.202	419.625.220	318.412.284
7	MSN	1.460.374.611	825.987.879	82.598.787	52.044.899

8	MWG	1.475.694.086	1.104.261.884	110.426.188	71.348.929
9	SHB	5.343.703.838	3.822.885.725	382.288.572	335.688.572
10	SSB	3.468.800.000	1.830.485.760	183.048.576	177.441.376
11	SSI	3.001.302.333	1.993.465.009	199.346.500	199.346.500
12	STB	1.885.215.716	1.730.250.984	173.025.098	130.298.911
13	TCB	7.086.240.414	3.825.152.575	382.515.257	307.784.971
14	VHM	8.214.824.008	2.322.330.747	232.233.074	212.279.872
15	VIB	3.404.005.710	1.859.608.319	185.960.831	133.402.142
16	VIC	7.762.186.429	2.155.559.171	215.555.917	207.205.918
17	VJC	769.092.961	249.416.847	24.941.684	24.056.655
18	VNM	2.089.955.445	811.947.690	81.194.769	50.447.484
19	VPB	7.933.923.601	4.187.524.876	418.752.487	327.977.418
20	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	59.249.782